

Bản án số: 71/2018/DS-ST

Ngày: 19/12/2018

V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự

Mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G
TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Hoàng Chân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Văn Bé Em

2. Bà Lê Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 19 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2018/TLST-DS, ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2018/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K

Người đại diện theo pháp luật là bà Lưu Thị Đ, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Dương Thanh N, chức vụ: nhân viên công nợ. (có mặt)

Địa chỉ: Số 142, đường P, P. V, TP. G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Trần Hữu T**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 442 đường T, khu phố 5, phường L, thành phố G, Kiên Giang

Tạm trú: Số 10 D, phường L, thành phố G, Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà **Lý Thị Kim O**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 231 đường A, khu phố 3, phường H, thành phố G, Kiên Giang

Tạm trú: Số 10 D, phường L, thành phố G, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2017 và lời khai trong suốt quá trình

giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K là ông Dương Thanh N trình bày: Nguyên vào ngày 06/10/2015 ông Trần Hữu T có mua trả góp tại Công ty TNHH TM K 01 chiếc xe máy hiệu Honda Wave RSX màu đen đỏ, biển số 68X1-195.26, theo hợp đồng mua xe trả góp ngày 06/10/2015, tổng giá trị hợp đồng là 13.200.000 đồng, lãi suất trong hạn 2%, lãi suất quá hạn 3%, thời hạn vay là 12 tháng tức đến ngày 06/10/2016 là hết hạn hợp đồng. Theo nội dung hợp đồng mua xe trả góp thì ông T là người mua và bà O là người đồng chịu trách nhiệm trả góp vào ngày 06 tây hàng tháng, số tiền gốc mỗi tháng là 880.000 đồng nhưng ông T và bà O không thực hiện đúng theo hợp đồng.

Từ ngày 06/10/2015 cho đến ngày 10/4/2017 ông T và bà O trả được 05 lần với số tiền gốc là 894.000 đồng, tiền lãi + phạt hớt vốn là 3.751.000 đồng. Vậy tính từ ngày 26/3/2016 đến nay thì ông T còn nợ công ty số tiền như sau: Tiền gốc: 12.306.000đồng; Tiền lãi: 9.636.000 đồng; Tổng nợ: 21.942.000 đồng.

Nay Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và bà O phải hoàn trả số tiền còn nợ tính đến ngày 27/10/2018 là Tiền gốc: 12.306.000đồng; Tiền lãi: 9.636.000 đồng; Tổng nợ: 21.942.000 đồng.

- Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử hôm nay, bị đơn – Trần Hữu T và người liên quan bà Lý Thị Kim O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K yêu cầu bị đơn – ông Trần Hữu T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Lý Thị Kim O thanh toán khoản nợ mua bán đã vi phạm nghĩa vụ là 21.942.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K và ông Trần Hữu T, bà Lý Thị Kim O là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Các đương sự tranh chấp về hợp đồng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại TP. G, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. G, tỉnh Kiên Giang.

[3] Bị đơn - ông Trần Hữu T và bà Lý Thị Kim O đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần theo thủ tục niêm yết của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Dương Thanh N yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn - ông Trần Hữu T và người liên quan bà Lý Thị Kim O theo quy định pháp

luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn - ông Trần Hữu T và người liên quan bà Lý Thị Kim O.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn kèm theo tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã cung cấp cho Tòa án là hợp đồng mua bán xe trả góp số 4153/RS và giấy nhận nợ lập ngày 06/10/2015 thể hiện những nội dung chính sau: “Giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K và vợ chồng ông T, bà O có thỏa thuận mua bán trả góp 01 xe gắn máy hai bánh nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đen đỏ, biển số 68X1-195.26, theo hợp đồng mua xe trả góp ngày 06/10/2015, tổng giá trị hợp đồng là 13.200.000 đồng, lãi suất trong hạn 2%, lãi suất quá hạn 3%, thời hạn vay là 12 tháng tức đến ngày 06/10/2016 là hết hạn hợp đồng; ông T là người mua và bà O là người đồng chịu trách nhiệm trả góp vào ngày 06 tây hàng tháng, số tiền gốc mỗi tháng là 880.000 đồng nhưng ông T và bà O không thực hiện đúng theo hợp đồng. Trong giai đoạn từ ngày 06/10/2015 cho đến ngày 10/4/2017 ông T và bà O trả được 05 lần với số tiền gốc là 894.000 đồng, tiền lãi + phạt hực vốn là 3.751.000 đồng. Vậy tính từ ngày 26/3/2016 đến nay thì ông T, bà O còn nợ công ty số tiền như sau: Tiền gốc: 12.306.000đồng; Tiền lãi: 9.636.000 đồng; Tổng nợ: 21.942.000 đồng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông T và bà O đều không có mặt theo văn bản tố tụng, niêm yết hợp lệ của Tòa án cũng như ý kiến bằng văn bản liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K. Căn cứ vào Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, bị đơn – ông T không có ý kiến phản đối và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà O. Do đó, Hội đồng xét xử xác định thỏa thuận giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K và vợ chồng ông T, bà O là hợp đồng mua bán tài sản; hiện nay vợ chồng ông T, bà O còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K số tiền 21.942.000 đồng, nên cần buộc vợ chồng ông T, bà O phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K toàn bộ số tiền gốc và lãi 21.942.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 428, 438, 461 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K, buộc bị đơn – ông Trần Hữu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lý Thị Kim O

cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K số tiền mua bán còn nợ lại là 21.942.000 đồng.

[2] Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn – ông Trần Hữu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lý Thị Kim O phải chịu án phí là: 21.942.000 đồng x 5% = 1.097.100 đồng (Một triệu không trăm chín mươi bảy ngàn một trăm đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá theo Biên lai thu số 0003953, ngày 22/3/2018.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 305, 428, 438, 461 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng khoản 6 Điều 19, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH124 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản” đối với bị đơn – ông Trần Hữu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lý Thị Kim O.

2. Buộc bị đơn – ông Trần Hữu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lý Thị Kim O cùng liên đới chịu trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K số tiền 21.942.000 đồng (Hai mươi một triệu chín trăm bốn mươi hai ngàn đồng) sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn – ông Trần Hữu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lý Thị Kim O phải chịu án phí là: 21.942.000 đồng x 5% = 1.097.100 đồng (Một triệu không trăm chín mươi bảy ngàn một trăm đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng)

đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá theo Biên lai thu số 0003953, ngày 22/3/2018.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. G;
- Chi cục THA dân sự TP. G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRƯƠNG HOÀNG CHÂN